|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2024/NQ-HĐND**DỰ THẢO** | *Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định** **hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ …..**

*Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thuỷ sản ngày 21/11/2017;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;*

*Xét Tờ trình................................................................................; Báo cáo thẩm tra của...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định về hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030”.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024 đến ngày 31/12/2030./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBTVQH, Chính phủ (b/c);- Các Bộ: NN&PTNT, TNMT, KHĐT, TC (b/c);- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- VKSND, TAND tỉnh;- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;- VP: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;- Các Huyện ủy Gia Bình, Lương Tài;- TT.HĐND, UBND các huyện Gia Bình, Lương Tài;- Công báo; Báo BN; Đài PTTH; Cổng TTĐT tỉnh TTXVN tại BN;- Lưu: VT, Phòng CT.HĐND, LĐVP. | **CHỦ TỊCH****Nguyễn Hương Giang** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Văn bản này quy định cụ thể về hỗ trợ các hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sơ chế, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Các cá nhân, tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật, tham gia các hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sơ chế, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài;

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sơ chế, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Trong quá trình thực hiện, đảm bảo nguyên tắc chỉ hỗ trợ sau khi đã thực hiện xong nội dung công việc và hỗ trợ trực tiếp cho người sản xuất.

2. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ, các cam kết có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã (nếu có quy định) và hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định này, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp không thực hiện đầy đủ cam kết, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ theo nguyên tắc cấp nào quyết định hỗ trợ thì cấp đó quyết định thu hồi. Đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các tổ chức, cá nhân được hưởng nhiều nội dung trong chính sách hỗ trợ này nhưng không được trùng về nội dung và tổng mức hỗ trợ không quá 50 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân.

4. Thủ trưởng cơ quan, cán bộ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thẩm định theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4.** **Hỗ trợ vùng sản xuất cà rốt, tỏi tập trung nằm trong quy hoạch, kế hoạch của cấp có thẩm quyền**

**1.** **Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê quyền sử dụng đất để sản xuất tỏi, cà rốt tập trung**

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất để sản xuất cà rốt, tỏi tập trung sẽ được hỗ trợ 50 triệu đồng/ha cho tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để sản xuất cà rốt, tỏi tập trung, chia đều 02 đợt, đợt 01 sau khi sản xuất vụ đầu; đợt 02 sau khi sản xuất vụ cuối cùng của năm sản xuất thứ 03.

- Hộ gia đình, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất tại hợp đồng thuê đất ở điểm a, khoản 1 Điều này để thực hiện tập trung đất đai được hỗ trợ một lần 100 triệu đồng/ha, cùng với đợt 01 của tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất.

- Trên cùng một diện tích đất, chỉ hỗ trợ 01 lần.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Trực tiếp thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (không thuê lại của bên đi thuê khác);

- Diện tích đất tập trung phải liền bờ, liền thửa (có thể cách mương, đường đi), có quy mô từ 02 ha trở lên;

- Diện tích hỗ trợ nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sản xuất tỏi, cà rốt tập trung của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tối thiểu là 05 năm, có công chứng hoặc xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Được chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và tương đương trở lên;

- Có phương án sử dụng đất gửi Uỷ ban nhân dân cấp xã để theo dõi;

- Cam kết sản xuất cà rốt/tỏi tập trung tối thiểu 03 năm kể từ khi được nghiệm thu và chấp hành đúng các quy định liên quan của pháp luật.

c) Trình tự thủ tục hỗ trợ

- Đối với hỗ trợ đợt 01

Sau khi tiến hành sản xuất vụ đầu tiên (tính từ thời điểm chuẩn bị hồ sơ đề nghị hỗ trợ), bên thuê quyền sử dụng đất làm đơn đề nghị nghiệm thu diện tích sản xuất đợt 01, kèm theo kế hoạch sản xuất và hồ sơ liên quan (bản sao công chứng hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chủ thửa đất hoặc trích lục thửa đất thuê có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã; Bảng kê diện tích thuê đất có ký nhận của hộ gia đình, cá nhân có ruộng cho thuê; trích lục thửa đất thuê có xác nhận của cơ quan chức năng) gửi Uỷ ban nhân dân cấp xã, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đối với hỗ trợ đợt 2

Sau khi tiến hành sản xuất vụ cuối cùng của năm thứ 03 (tính từ vụ đầu được hỗ trợ), bên thuê quyền sử dụng đất làm đơn đề nghị nghiệm thu diện tích sản xuất đợt 02, kèm theo báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất tính đến thời điểm đề nghị nghiệm thu đợt 02 gửi Uỷ ban nhân dân cấp xã, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Công tác nghiệm thu:

Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức nghiệm thu có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân liên quan, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất (cho cả bên thuê và bên cho thuê) gửi Uỷ ban nhân dân cấp xã, kèm theo kế hoạch sản xuất và Cam kết sản xuất cà rốt/tỏi tập trung tối thiểu 03 năm kể từ khi được nghiệm thu có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có công chứng hoặc xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã kèm theo bảng kê diện tích thuê quyền sử dụng đất có ký nhận của hộ gia đình, cá nhân có ruộng cho thuê; trích lục thửa đất thuê có xác nhận của cơ quan chức năng.

**2. Hỗ trợ kinh phí sản xuất cà rốt, tỏi tập trung**

a) Mức hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân sản xuất cà rốt, tỏi tập trung được hỗ trợ kinh phí với mức 15 triệu đồng/ha/vụ.

b) Điều kiện hỗ trợ

Diện tích hỗ trợ có quy mô sản xuất tập trung từ 02 ha trở lên; nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sản xuất tỏi, cà rốt tập trung của cấp có thẩm quyền;

c) Công tác nghiệm thu

Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức nghiệm thu có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân có liên quan, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Bảng tổng hợp diện tích, số tiền đề nghị hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã lập (đối với cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã);

- Bảng kê diện tích, mức hỗ trợ và số tiền được hỗ trợ, có ký nhận của đối tượng nhận hỗ trợ do cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc thôn lập, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã); Bảng kê diện tích sản xuất tỏi, cà rốt do doanh nghiệp, tổ chức lập (đối với doanh nghiệp); trích lục thửa đất thuê.

**Điều 5.** **Hỗ trợ vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, cơ sở sản xuất ương dưỡng giống thủy đặc sản**

**1.** **Hỗ trợ con giống thuỷ đặc sản**

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% kinh phí mua con giống thuỷ giống đặc sản với mức tối đa không quá 500 triệu đồng /tổ chức, cá nhân.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Tổ chức, cá nhân nuôi thuỷ đặc sản nằm trong hợp tác xã hoặc nằm trong vùng nuôi thuỷ sản tập trung ao đất có diện tích 10 ha trở lên; vùng nuôi cá lồng có từ 50 lồng trở lên; Sản xuất với quy mô nuôi trong ao đất có diện tích mặt nước từ 1.500 m2 trở lên, nuôi lồng từ 3 lồng trở lên có đủ điều kiện nuôi thuỷ đặc sản;

- Có phương án, quy trình sản xuất đối tượng thuỷ đặc sản được cơ quan quản lý chuyên ngành thuỷ sản cấp huyện xác nhận và cam kết thực hiện đúng phương án đã được xác nhận.

- Cam kết thực hiện từ 03 năm trở lên (kể từ khi được nghiệm thu) có xác nhận của UBND cấp xã và chấp hành đúng các quy định liên quan của pháp luật;

- Danh mục đối tượng thuỷ đặc sản nằm trong danh mục do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hằng năm.

- Có biên bản xác định số lượng thuỷ đặc sản khi thả giống của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương trở lên. Có giấy kiểm dịch đối với con giống thuỷ đặc sản được mua bán từ ngoài tỉnh.

- Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hóa đơn tài chính và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu.

c) Công tác nghiệm thu

Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu diện tích, đối tượng, số lượng thuỷ đặc sản có sự tham gia của Uỷ ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Uỷ ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kèm theo bản cam kết tham gia sản xuất từ 03 năm trở lên (kể từ khi được nghiệm thu) có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính mua con giống thuỷ đặc sản; chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc quyết định trúng thầu;

**2.** **Hỗ trợ phương án đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản**

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống ao (bể) cấp và xử lý nước, ao nuôi, ương dưỡng giống thuỷ sản; khu sinh sản (bể ấp, bể đẻ); kho bảo quản vật tư (thức ăn, thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học); hệ thống sục khí oxy, cho ăn… Tối đa 3 tỷ đồng/phương án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Địa điểm xây dựng phù hợp kế hoạch sử dụng đất của địa phương~~;~~

- Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

- Có Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định;

- Cam kết thực hiện từ 03 năm trở lên có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã (kể từ khi được nghiệm thu) và chấp hành đúng các quy định liên quan của pháp luật;

- Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương trở lên;

- Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hóa đơn tài chính và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu nhưng không vượt quá định mức các nội dung hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư.

c) Thủ tục hỗ trợ

Chủ đầu tư làm văn bản đề nghị phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án, kèm theo 06 bộ hồ sơ (Thuyết minh phương án và thiết kế, Dự toán kinh phí, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, Trích lục bản đồ thửa đất) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xây dựng phương án, xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án.

Sau khi thực hiện xong phương án và tổ chức sản xuất, chủ đầu tư làm văn bản đề nghị nghiệm thu kèm theo hồ sơ hoàn công gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan nghiệm thu. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kèm theo bản cam kết duy trì sản xuất có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính mua vật tư, máy móc, thiết bị; chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc quyết định trúng thầu.

**3.** **Hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ cho các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy đặc sản**

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/01 bản quyền công nghệ được chuyển giao.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Cơ sở cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống được cấp giấy đủ điều kiện sản xuất ương dưỡng giống;

- Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định;

- Bản quyền khoa học công nghệ thuỷ sản chuyển giao nằm trong đối tượng tượng khuyến khích phát triển của cấp có thẩm quyền;

- Danh mục bản quyền công nghệ chuyển giao cho các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ đặc sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hằng năm.

c) Trình tự thủ tục hỗ trợ

- Chủ cơ sở làm đơn đề nghị gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kèm theo 06 bộ hồ sơ gồm: thuyết minh phương án (sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện, kinh phí, tiến độ thực hiện...); báo cáo tài chính của đơn vị chủ trì 02 năm gần nhất; giấy tờ nhiệm thu đánh giá công nhận đối với xuất xứ, bản quyền công nghệ chuyển giao; bản cam kết chuyển giao bản quyền công nghệ, bản quyền công nghệ kèm hồ sơ năng lực của đơn vị chuyển giao;

- Sau khi thực hiện xong chuyển giao bản quyền công nghệ, Chủ cơ sở làm văn bản đề nghị nghiệm thu kèm theo hồ sơ (đơn đề nghị; báo cáo kết quả thực hiện, bản quyền chuyển giao công nghệ; Bảng tổng hợp báo cáo tài chính liên quan đến nội dung thực hiện nhiệm vụ; hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính...);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức Hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện chuyển giao bản quyền công nghệ. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu, Chủ cơ sở gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chủ trì;

- Quyết định, biên bản họp hội đồng nghiệm thu, kết quả dự án, bản quyền chuyển giao khoa học công nghệ;

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính liên quan đến thực hiện phương án, bản quyền công nghệ.

**Điều 6.** **Hỗ trợ phương án xây dựng cơ sở bảo quản, chế biến nông sản**

**1. Mức hỗ trợ**

Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện trong hàng rào và hệ thống xử lý chất thải. Mức hỗ trợ tối đa 15 tỷ đồng/phương án.

**2. Điều kiện hỗ trợ**

a) Phương án sử dụng tối thiểu 50% nguyên liệu chế biến, bảo quản là nguyên liệu được sản xuất, chế biến tại địa phương (thuộc địa bàn cấp tỉnh) và sử dụng tối thiểu 30% lao động thường trú hoặc đăng ký thường trú tại địa phương (cấp tỉnh), nơi thực hiện Phương án.

b) Địa điểm xây dựng phù hợp kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Cam kết thực hiện từ 3 năm trở lên có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã (kể từ khi được nghiệm thu) và chấp hành đúng các quy định liên quan của pháp luật;

d) Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hóa đơn tài chính và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu nhưng không vượt quá định mức các nội dung hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

đ) Ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư;

**4. Thủ tục hỗ trợ**

Chủ đầu tư làm văn bản đề nghị phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án, kèm theo 06 bộ hồ sơ (Thuyết minh phương án và thiết kế, Dự toán kinh phí, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, Trích lục bản đồ thửa đất, kết quả kiểm toán độc lập) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xây dựng phương án, xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án.

Sau khi thực hiện xong phương án và tổ chức sản xuất, chủ đầu tư làm văn bản đề nghị nghiệm thu kèm theo hồ sơ hoàn công, giải pháp bảo vệ môi trường gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan nghiệm thu. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ.

**5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có cam kết duy trì sản xuất từ 03 năm trở lên;

b) Kết quả kiểm toán độc lập;

c) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương trở lên.

d) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính liên quan.

**Điều 7.** **Hỗ trợ hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm**

**1.** **Mức hỗ trợ**

Hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm với mức hỗ trợ: 70 triệu đồng/hợp tác xã, tổ hợp tác/năm trong ba năm đầu.

**2. Điều kiện hỗ trợ**

a) Hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm mới được hình thành (được thành lập sau ngày Nghị quyết này được bàn hành và chưa nhận được nội dung hỗ trợ này);

b) Hợp tác xã, tổ hợp tác đã có liên kết sản xuất với quy mô tối thiểu 25 ha với sản xuất rau màu, 50 ha với sản xuất lúa; đã thực hiện hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản với sản lượng tối thiểu 50% tổng sản lượng của vùng liên kết (sản lượng tính theo năng suất trung bình của Chi cục Thống kê tại địa phương).

**3. Công tác nghiệm thu**

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sản xuất tiến hành nghiệm thu các tổ chức, cá nhân liên quan. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

**4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, bảng kê hàng hoá thu mua, chứng từ chi trả tiền mua nông sản của đơn vị thu mua.

**Điều 8.** **Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng để đạt tiêu chí được công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý: Ưu tiên phân bổ kinh phí để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng tại vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý của huyện Gia Bình, Lương Tài theo luật đầu tư công**

**1. Nguyên tắc hỗ trợ**

Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài.

**2.** **Nội dung và mức hỗ trợ**

Dùng vốn đầu tư công ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thủy lợi nội đồng, đường giao thông nội đồng, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung.

**3. Điều kiện hỗ trợ**

Vùng sản xuất chuyên canh tập trung: vùng sản xuất rau quy mô 100 ha trở lên, vùng sản xuất giống lúa quy mô 100 ha trở lên, vùng sản xuất cây ăn quả lâu năm quy mô 300 ha trở lên, vùng sản xuất giống thủy sản quy mô 20ha trở lên, phù hợp với quy hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc vùng được chứng nhận chỉ dẫn địa lý.

**4. Trình tự, thủ tục hỗ trợ**

a) Uỷ ban nhân dân cấp xã có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ về Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

b) Uỷ ban nhân dân cấp huyện rà soát, đề nghị nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ gồm: chi tiết danh mục dự án và nhu cầu kinh phí hỗ trợ trên địa bàn huyện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (thông tin chi tiết dự án có biểu/phụ lục đính kèm bao gồm: tên dự án, địa điểm, tổng mức, nguồn vốn, đơn vị chủ đầu tư, nguồn vốn.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan rà soát điều kiện, nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ; tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục các dự án, dự kiến mức vốn hỗ trợ cho các dự án, cơ quan được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

d) Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Uỷ ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục các phương án hỗ trợ.

Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giao cơ quan chuyên môn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và tổ chức thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

Việc thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn phải thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công làm cơ sở phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

**5. Về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn**

Thực hiện dự án theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh về quy định quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**6. Về giao kế hoạch vốn hàng năm của Ngân sách tỉnh cho dự án**

Tổng hợp danh mục các dự án trên địa bàn đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định, đề xuất nhu cầu vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án trong năm kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư (*kèm theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án*) để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cấp vốn.

**7. Hồ sơ thanh toán**

Thực hiện việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và văn bản khác có liên quan.

**Chương III**

**TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỖ TRỢ**

**Điều 9. Trình tự và thủ tục hỗ trợ đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước**

**1. Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp tới Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Uỷ ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản chụp không chứng thực kèm bản chính để đối chiếu.

Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: các thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đầy đủ thành phần; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời gian 1/2 ngày làm việc cán bộ tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan chuyên môn giải quyết.

**2. Thành phần hồ sơ**

Theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 4; điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 5; khoản 5 Điều 6; khoản 4 Điều 7.

**3. Trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính**

Trong thời hạn 06 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ của hồ sơ nếu hồ sơ hợp lệ trình cấp có thẩm quyền Quyết định hỗ trợ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

**4. Cách thức trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Thực hiện trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử. Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định hỗ trợ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

**Điều 10. Trình tự và thủ tục hỗ trợ đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật đầu tư công**

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết này.

**Chương IV**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN, PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT, THANH TOÁN VÀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**Điều 11. Lập kế hoạch và giao dự toán**

1. Đăng ký và lập kế hoạch hỗ trợ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan thông báo cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đăng ký nhu cầu và tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trước ngày 25 tháng 6 năm trước năm kế hoạch.

b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan kiểm tra các nội dung đăng ký hỗ trợ, cân đối với nhu cầu thực tế, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi văn bản đăng ký nhu cầu kinh phí hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/6 năm trước năm kế hoạch.

c) Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng ký nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cùng với thời gian lập dự toán ngân sách hàng năm.

d) Các doanh nghiệp và tổ chức khác thuộc phạm vi, đối tượng áp dụng tại quy định này xây dựng dự toán kinh phí và đăng ký nhu cầu hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch.

đ) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 7 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao dự toán và phân bổ kinh phí hỗ trợ:

a) Sở Tài chính chủ trì thảo luận dự toán ngân sách hỗ trợ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; căn cứ khả năng cân đối ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến tổng mức kinh phí chi hỗ trợ cùng với phương án phân bổ dự toán ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh vào tháng 11 năm trước năm kế hoạch.

b) Căn cứ tổng mức kinh phí hỗ trợ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch hỗ trợ gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với dự toán chi ngân sách hàng năm (trước ngày 05 tháng 12 năm trước năm kế hoạch).

c) Căn cứ dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và ban hành kế hoạch hỗ trợ của năm kế hoạch đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị thuộc Sở.

d) Căn cứ kế hoạch hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch huyện lập kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các xã, đơn vị trên địa bàn trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để theo dõi, giám sát tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn.

đ) Căn cứ dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định phân bổ kinh phí cho các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

e) Sau khi có quyết định giao dự toán của các cấp, các đơn vị được giao dự toán thực hiện các nội dung theo đúng kế hoạch hỗ trợ và kinh phí đã phân bổ. Trường hợp cần điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ, các xã, đơn vị lập phương án điều chỉnh trong phạm vi dự toán được giao gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính cấp huyện để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính điều chỉnh kế hoạch hàng năm, kết thúc chậm nhất là ngày 30 tháng 10 năm kế hoạch.

**Điều 12. Quản lý, sử dụng nguồn vốn, quyết toán, công khai và chế độ báo cáo**

1. Nguồn vốn thực hiện hỗ trợ:

a) Sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên đối với các chính sách quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết này.

b) Sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công đối với chính sách quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

2. Quyết toán ngân sách hỗ trợ hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác.

3. Thực hiện công khai ngân sách hỗ trợ:

a) Công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ: nội dung, hình thức, thời điểm, trách nhiệm công khai thực hiện theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

b) Công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân, dân cư: nội dung, hình thức, thời điểm, trách nhiệm công khai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính.

4. Chế độ báo cáo: Định kỳ 06 tháng và 01 năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn về Ủy ban nhân dân huyện (đối với báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 10 tháng 7, báo cáo năm gửi trước ngày 20 tháng 01 của năm sau); Ủy ban nhân dân huyện, các Sở, ngành liên quan báo cáo tình hình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện, xử lý, giải quyết kịp thời các nội dung phát sinh phù hợp với thẩm quyền trong quá trình thực hiện Quy định này, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh trong các kỳ họp thường lệ.

2. Chỉ đạo cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện việc công bố, công khai thủ tục hành chính theo quy định.

3. Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có các trường hợp phát sinh về nội dung hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến bằng văn bản theo thẩm quyền.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Sửa đổi, bổ sung quy định**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.